

TRUYỀN BÀ

TUẦN BÁO CỦA TUỔI TRẺ RA NGÀY THỨ NĂM



LINH HỒN DÁ

TRUYỆN CỦA THÂM - TÂM

Số 168-169

15 và 22-3-45

SỐ NÀY: 0\$80

ĐA XUẤT-BẢN:

CAI

Hội kỷ của VU BANG

TAN - DAN

NHỮNG TÁC PHẨM HAY

GIA BẠN: 4\$50

100% CÀNG CỎ

LINH HỒN ĐÁ

I

Đầu lâu Tô Thị trên mình voi

TRỜI dặt quăng thời gian ấy đầy sa mù. Hơi lam bỗng bênh vùi rấp tất cả cái bí mật của rừng núi hoang vu xuống một độ rất thấp.

Đó đây, những hình thù đá lạnh lẩn tránh ở trong bóng tối, thỉnh thoảng mới khẽ đưa lên mấy tiếng cựa mình hay tiếng thở dài. Suối vẫn lách giòong để chảy tìm từng hình thù đá, kể lẽ cho chúng nghe sự thay đổi của cuộc đời.

Dưới một tầng thấp hơn nữa. chừng tận đáy ngàn và tận chỗ sâu thẳm nhất của hàng trăm trái núi vây bọc lại, một con voi đá nằm im lìm như dáng đá già chỉ còn có sự an nghỉ là hơn cả. Xung quanh nó, đá vuông, đá tròn, đá sắc cạnh, đá nhọn mắt, đá xăm. đá nhạt, kèn cựa nhau để lèn thành gỏi nệm cho voi ta đặt lọt thỏm cái mình đầy vết xước thời gian.

160 Indoch
Picte 1460

Đã lâu, voi đá nằm như thẽ mà không hề rống, chỉ thỉnh thoảng lại toát mồ hôi, song vẫn ly bì ngủ. Giấc ngủ thật chả còn biết đến ngày tháng là gì, vì khoảng mờ mờ mịt mịt ấy chả bao giờ mặt trăng có dịp nhòm đến và mặt trời cũng lảng.

Chợt một khoảnh khắc kia, vào cái quãng thời gian mà trời đất sa mù đã tã ở trên, voi đá bỗng cựa mình. Linh hồn nó sáng tỉnh hơn hết thấy bao giờ. Một tia đá ngời lên trên đồng gối nệm tối mờ. Nó thấy xung quanh vẫn còn chuyển động, và một vật gì tròn trịa tự dưng chạm vào mình nó rồi ở lại đấy, vì cũng tự dưng cơn chuyển động đã ngừng.

Thoạt tiên, voi ta tưởng là cái gối trên đầu bị xô dịch xuống. Sau lại nghĩ ra một cục băng, vì có thể một cục băng bị lở từ trên sườn núi xuống, tới đó thì hết đất, nằm chờ tan ra. Nhưng băng chỉ lạnh, ướt, chứ không tan một tí nào cả. Mà lại hình như có tiếng ai tí tí khóc, nỉ non hơn những tiếng vượn mẹ gọi con trên ngàn. Thôi rồi, cục tròn đầu có phải là băng! Nó lạnh, nó ướt, tức là nước mắt, nước mắt một con vật hay một người?

Trong không khí hoang vu ờn lại một khoảnh khắc thời hỗn mang, tinh đá nghìn kiếp bỗng trời dậy hẳn. Một con voi già thấp thoáng bóng hình như khói như sương, đứng lên, cuộn cong vòi, vẫy tai, và hắt cho cái vật đương khóc phải lăn xuống đất.

Tức thì, khuôn mặt bi thảm một người đàn bà hiện ra, chập chờn như mấy nét trên bức lụa.

Đá núi toát hơi lạnh tê buốt.

Voi rùng mình, rống lên mà hỏi :

— Người kia là sơn thần hay địa quỷ ?

Tiếng đàn bà thồn thức đáp lại :

— Ta không là thần núi, cũng không là quỷ đất
Ta chính là Tô-thị vọng phu.

Pho thạch sử được ôn lại trong ký ức nhiệm màu của tinh voi đá. Voi giương đôi mắt nhìn kỹ mặt nàng Tô, rồi hỏi :

— Trong thạch sử có một chuyện người đàn bà nhớ chồng đi lính trận, treo lên trên ngọn núi ở trước động Tam-thanh lĩnh Lạng sơn mà ngóng trông về phương bắc là phía chồng đương đóng, ngóng trông không thấy, mòn mỏi thịt da, mới hóa thành đá tro tro, người ta gọi tên là đá nàng Tô trông chồng, có phải chính là nàng không ?

Tô thị tràn trề nước mắt đáp :

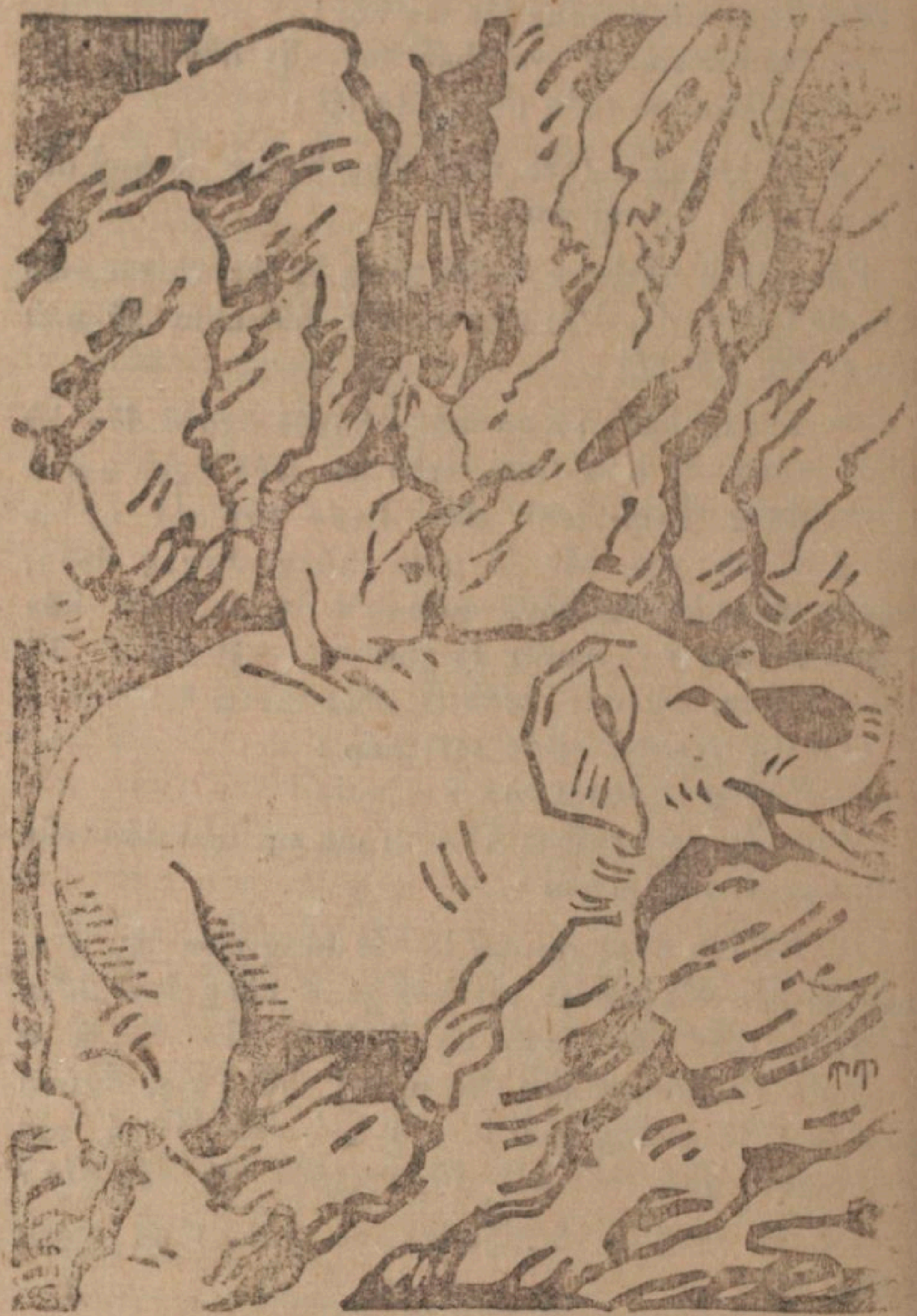
— Chẳng là ta thì còn là ai nữa !

Voi cúi đầu xuống, kính trọng sự đau đớn của một người, rồi lại hỏi :

— Nhưng nàng đương là đá đứng trên đầu non, sao lại đến nỗi lưu lạc tới nơi hang cùng đáy thẳm của tấm thân đã an nghỉ này ? Một điều nữa, là từ chỗ này cho tới nơi đầu non ngóng chồng kia, đường núi xa cách không phải ít, thì gió nào đã có sức mạnh góm ghê thồi bay được người đá đến đây ?

Tô thị càng tỏ rõ mặt lên, và vắng rành mạch tiếng nói :

— Hỡi voi ! Hãy nhìn ta cho thật rõ, xem ta có phải hoàn toàn là người đá hay chăng ! Chao ôi, ta chỉ có một cái mặt, một cái đầu đấy mà thôi !



Đầu lâu Tổ-thị trên mình voi

Voi giật mình, nhìn kỹ thêm nữa. quả thấy trong bóng tối rợn lạnh bấy giờ chỉ nổi sáng rõ ràng có một cái đầu lủng lơ như bị cắt ra và treo tóc lên vách đá. Voi kinh hãi rú :

— Thủ cấp ! Một cái thủ cấp đàn bà ! Một cái đầu lâu biết nói !

Đầu lâu Tô thị gật một cái, rồi lại bảo :

— Nhưng không hề chi mà sợ hãi. Mi với ta bất quá ngày nay chỉ còn là hai linh hồn đá thiêng đấy thôi, can chi mà sợ hãi.

Voi cất vòi lên, ồm ồm giọng đáp :

— Ta cũng không sợ hãi, chỉ lấy làm kỳ rằng tại sao Tô thị lại bỗng đứng mình một nơi đầu một nẻo thăm thê nhường vậy ?

Đầu lâu Tô thị kể :

— Ta xin kể hết nông nổi cho voi nghe, Nguyên sau khi chồng ta ra lính, lên phương bắc đề chống giặc, thì ta cũng lên phương bắc đề theo chồng, Quân trẩy nhanh như gió, mà ta thì đi chậm như rùa, bởi chân đàn bà yếu ớt. Ta bỗng con than khóc trèo tới đỉnh núi trước động Tam thanh, thì không tài nào còn sức leo qua dặm ngàn được nữa, Ta mới đứng trên đầu non mà gọi chồng. Tiếng bị gió mây làm tan tắt hết. Ta khản hơi dần và khô người lại, và có cảm giác hóa ra đá suốt từ móng chân mà lên dần dần toàn thân cả hai mẹ con. Dưới gót, râu xanh đã bắt đầu lấm tẩm. Từ đó, nước mắt tay ta không lau được nữa nước mắt là sương tuyết xóa đi hết không biết bao nhiêu tháng năm. Đời này qua đời khác, nước Nam vẫn phải đánh giặc bắc, quân tướng vẫn lữ

ướt trầy qua dưới chân non. Nhiều người lính ngược nhìn thấy đá vọng phu, thường kể cho nhau nghe chuyện của ta, và ai nấy đều cảm thương nhớ vợ nhớ con mà nản lòng chiến đấu, chỉ muốn quay về. Giặc bắc vì vậy thường mạnh thế hơn, đánh đuổi quân lính ta thua chạy khỏi biên thù, rồi chúng ồ ạt dày xéo tiến sâu vào phương nam. Tiếng than khóc rập trời,

Voi bỗng rú liên mấy tiếng, cao giọng nói :

— Giặc bắc đã vào được trong đất nước nhà, thì vợ con của người lính trận cũng không còn được yên ổn cơm no áo ấm nữa ! Thế thì vọng phu làm gì cho mang tội ? Cái tội đã làm nản lòng ba quân ; đã làm giảm sức chống giữ ngoài quan ải, để cho giặc như sóng đánh vỡ đê mùng mà tràn vào trong đất ruộng. Chao ôi, trong thạch sử, voi đá này lấy làm hồ nhục vì đã có một chuyện người đá trông chồng !

Đầu lâu Tô thị ứa nước mắt ra một phen nữa, thồn thức hỏi rằng ;

— Có phải mi xưa kia cũng từng đã là voi trận hay sao, mà mi nỡ cũng kết tội gái này, chỉ chăm chăm bênh vực tự binh đao có khi kéo dài cả một đời người chưa hết ?

Voi giậm chân mà hét :

— Chính ta đã chỉ là voi trận, chính ta mang sức mạnh chỉ để giúp những chiến sỹ tranh đấu với quân thù vì một mục đích giữ yên đất sống cho trăm họ. Ở trong tượng sử, có ghi nhiều công lao của voi hai bà Trưng, voi bà Triệu, voi vua Lê thái-Tổ, vân... vân... Nhưng những tích đó thì ai

cũng đều đã biết, mà nàng chắc cũng đã tưởng, ta không cần kể rõ.

Tô thị thở dài nói:

— Công lao muôn năm của dòng voi nhà mi, kết cục cũng chỉ hóa thành ra đá nằm dí một số ngàn này thôi chứ gì? Nay voi đá, mi là kiếp sau của voi bà Trưng hay voi bà Triệu đấy?

Voi rung hai vành tai rộng, lắc vòi mà đáp;

— Ta chẳng là kiếp sau của voi nào, song ta có thể là tất cả, những đời voi ghi nhiều chiến công oanh liệt. Vì ta, chính ta đã mở đầu việc voi trận cho các voi khác từ đời Trưng vương giở xuống biết đường mà theo, Núi có sách, mạch có chứng Ta xin giới thiệu một tấm bia đá ở xã Tiên lát, huyện Việt yên, tỉnh Bắc giang, mặt bia có khắc sự tích Thạch tướng quân đã giúp vua Hùng Tào vương đánh giặc Mian.

— Thạch tướng quân là người đá?

— Oi, thế ra nàng đã nhập tịch dân đá, mà không hề thuộc thạch sử một trang nào ư? Để ta kể rõ cho nàng nghe. Đời vua Hùng thứ 16 là Tào vương, ở làng Tiên lát, có một người đàn ông đã già mà chưa có con, tên là Nguyễn Hòa, thường ra một cái bàn đá ở giữa ao gần núi để ngồi chơi mát. Một bữa, trời mưa gió sấm sét luôn cả đêm, đến sáng Nguyễn Hòa ra ao xem thì một tiếng sét lớn đánh tan bàn đá vỡ làm ba mảnh, lộ ra một đứa con trai sắc hồng như mặt trời mọc, mặt sáng như sao, hét lên một tiếng vang lừng trời đất. Nguyễn Hòa biết là thai đá giáng sinh, bèn chạy ại bồng về nuôi, đến năm bảy tuổi thì mình cao



Đá vọng phu

hơn mười trượng, sức khỏe vô cùng. Bấy giờ ở Cao bằng, có người tù trưởng châu Thạch-lâm tự xưng là Lục định thần tướng kéo quân về đánh Tào vương, thể mạnh vô chừng, nhân dân phải sống trong cảnh lầm than điêu đứng, mà trong triều không có tướng nào trông nổi thế giặc. Hùng Tào vương nghe biết con nuôi Nguyễn Hòa có sức khỏe vô song, mới sai sứ đến cầu. Thạch nhân, hay gọi là Thạch tướng cho đúng, bảo với sứ giả về xin nhà vua ban cho một con voi đá cao mười trượng để đi đánh giặc Man. Voi đá có rồi, Thạch tướng nhẩy lên, thúc ra trận đánh giết quân giặc tan tành và chém Lục định thần tướng đứt làm ba đoạn, xong rồi lên đỉnh núi Phượng hoàng biến mất, voi đá cũng phóng vào ngàn sâu.

Tô thị khẽ hỏi :

— Hẳn là voi đá bây giờ ở đây ?

— Ta nằm từ ngày ấy đến giờ ở đây, những vết máu người loang lổ vấy trên mình ta đã khô tự bao đời và luyện cho ta thành tinh, để mỗi cơn trời đất đổi thay lại chuyển động mà trời dậy nghe nói được như người. Vậy ta vẫn nhớ rằng ta chính là hiện thân của những chiến công, không bao giờ thềm mang trên lưng một cái đầu lâu đàn bà than khóc kêu gào người lính trận, lùi lại. Nay hỏi nàng Tô, đương lúc lung tung gió bụi kia, có đoàn quân hùng mạnh nào đó trẩy qua núi đá vọng phu để lên chống giữ biên thùỵ mạn bắc, hẳn bấy giờ nàng lại đem sương tuyết mà khóc than để cho lạnh lẽo tấm lòng ba quân, trùn bước chân họ lại, chứ gì ? Chẳng may lúc đó lại có một viên tướng, máu giận hăng lên mới trèo thốc lên đỉnh núi, vung bảo

kiếm mà phạt đứt phăng cái đầu nàng xuống, để cho ba quân không còn dám nói đến sự lùi về. Ta đoán như thế có phải chăng? Nếu phải, thì ôi sung sướng thay, ta sẽ lồng ra khỏi đáy núi này để quyết theo viên tướng đó ra trận một thời nữa cho đời lại nhắc đến ta,

Nhưng Tô thị lắc đầu nói :

— Không, không có viên tướng nào có gương sắc như vậy cả. Để chừng ta than khóc mãi đời đời, hơi lam mù mịt, khí âm xung thiên, khiến cho một lần tìm xét kia trong cơn mưa gió đã đánh trúng phải thân đá của ta, đầu lia hấn cồ. Từ đó, hình Tô thị vọng phu không còn nữa. Người ta bảo rằng Thiên-lôi đã trừng phạt cái tội nàng Tô dám làm nản lòng những người con trai vì phận sự phải ra đi...

Voi tung vùi hất ngà mà hét :

— Nếu Thiên-lôi không đánh, thì ngày nay ta cũng quyết tìm lên mà quật tượng đá kia xuống mới nghe!

Đầu lâu Tô thị lùi xa một chút, và cười nhạt nói :

— Dù ngày nay linh hồn ta quanh quất, theo với cái đầu lâu mà lọt thỏm xuống hang sâu đáy thâm này, ta cũng mãn nguyện rồi. Vì qua bao nhiêu thế kỷ, chồng ta không chết trận, cũng đã chết vì già, ta không còn ý đợi chồng nữa, mà ở trong sự truyền khẩu và văn thơ của người đời thì ta vẫn là Tô thị vọng phu. Biết bao nhiêu bài thơ, khúc ca, điệu nhạc, đã vì hình đá của ta mà có. và chúng sẽ còn réo rắt đời đời ở trong lòng những chinh phụ nhớ chồng. Hỡi voi đá! Sao cái lúc mi bị Thạch

tướng phóng vào ngàn, mi chẳng cố gắng sức leo lên đỉnh núi cao mà đứng, để cho các thi nhân lấy mi làm hình tượng chiến thắng mà ca ngợi muôn đời ?

— Ta không cần lên đỉnh núi, vì cái thời của ta qua rồi thì đã có những con voi khác của những đời khác sẽ thay ta mà ghi thêm những trang sử chiến thắng cùng với các chiến sĩ.

— Nhưng nếu có hình tượng làm gương mẫu vẫn hơn. Mi cứ theo ta đi, để cho trong thạch sử có thêm một chuyện kỳ thú như thế này : Người chinh phụ gặp được con voi của chiến sĩ.

Voi đá lắc đầu lúng lẳng mà ngắt lời nàng Tô rằng :

— Thôi đừng vẽ chuyện gì thêm nữa ! Chẳng qua nàng chỉ còn có một cái đầu lâu, khó nổi lặn đi, mới toan lợi dụng ta để nằm trên lưng cho ta mang về khấp vào cái thân thể cũ đấy chứ gì ? Thà nàng cứ thú thật ngay cho xong : Nhưng ta chẳng đại thế đâu, ta chẳng muốn cho đời lại có một người đá vọng phu nữa. Nàng đã rơi xuống đây thì cứ ở đây muôn kiếp, hoặc là chờ một cuộc bể dâu bất ngờ nào sẽ lại chuồn vận cái đầu lâu không chân ra chỗ khác, chứ ta thì ta nhất định không chịu mang nàng ở trên lưng mà bước lên sườn núi nữa.

Tô thì khóc rưng rức. Gió núi luồn khe thổi xuống đó, ghê thảm lạ lùng. Nhưng lòng voi đá vẫn tro tro. Và con voi bỗng nhặt cái hình cử động đi, vừa mờ dần vừa nói văng vẳng như một hơi sáo tiêu phu lọt qua muôn rễ rêu ẩm tràn xuống :

— Ta không muốn cho đời lại có một người đá vọng phu. Không có người đá vọng phu lấy sương

tuyết làm nước mắt, lấy gió suối làm tiếng kêu than thì mới có những thanh niên mạnh mẽ thành thoi bước lên đường, thì mới có những chiến sĩ dám bỏ chút hạnh phúc bé nhỏ ở xó nhà để mưu cầu những hạnh phúc vô cùng lớn lao cho trăm họ đương thiếu thốn...

Voi đá im tiếng hẳn. Cái bóng rung động của con vật ấy cũng không còn nữa. Trong không khí âm n, tảng đá hình voi nằm trơ trơ như vẫn nằm từ đã lâu đời như thế mà không hề có sự trôi dạt vừa qua. Những rêu mốc phủ các vết thương thời gian đều y nguyên đóng bụi.

Ngoài xa, họa hoằn mới thoảng lại một hơi rên rỉ của tia nước nguồn từ cao lách xuống. Cái tiếng thồn thức của dẫu lâu người đá cũng bắt bắt dần. Khoảnh khắc sa mù tan, và kế tiếp một thời gian kém màu huyền ảo, Khuôn mặt đau thương của Tô thị không còn thấp thoáng qua một khối đá tròn, và trong lặng lẽ, khối đá rất lạnh chỉ kề vào lưng tảng đá hình voi như một cái gối mà thôi.

Hồn đá có lẽ ngủ vùi trong vân đá...

II

Ngựa què và chó cụt đuôi

Trên một đồng gò hoang kia có một ngôi đền, những đêm trăng, sắc trắng mốc của bức tường vôi lâu ngày làm rừng rợn thêm cho đám cây cối, rậm rì. Người ta lấy thế cho là có khí thiêng, lại càng kính sợ. Mỗi khi người qua đường, đi sát

ngay chân gò, nhìn thấy tấm bia « hạ mã » cưỡi mãi ngựa nón, nếu đội nón, và xuống ngựa nếu xuống cưỡi ngựa.

Một hôm, người ở vùng ấy đào đất ruộng, bỗng thấy bật lên một con chó đá cụt đuôi. Nếu là tảng đá trông giống giống như hình chó, thì họ cũng cho là đá tằm thường mà quăng vào bụi cỏ khóm gai cho xong chuyện. Nhưng nhận kỹ ra lại chính là một con chó tạc bằng đá vậy, chừng trước kia vốn là một linh vật thường phải hình hương, chỉ vì thời gian biến thiên mà đến nỗi chôn vùi xuống lòng đất lạnh. Người ta bèn không dám vứt bỏ hoang vào một xó, và sau một hồi hàn tán, mới cùng đồng ý rước đặt lên ở cửa đền, ngay cạnh tấm bia hạ mã, không cần khảo biết xem rằng lịch sử con chó đá ấy có liên can gì với thần tích của ngôi đền chẳng.

Đêm kia sương mỏng bao mờ khắp một trời sao, Khu gò xa trông không còn nhận rõ được màu trắng của bức tường vôi nữa. Cây rì rào thẫm thì những chuyện muôn đời trong bóng tối. Cánh đồng im phăng phắc, thỉnh thoảng mới vẳng lên mấy tiếng tù và một mối của bốn tuần canh, và vì nghe động, năm ba con chó men men ngoài cổng làng mới xuả băng quơ lên mấy giọng.

Gió khua một cành cây khô rơi trúng lưng con chó đá bên tấm bia sương ẩm. Con chó đá rùng mình, khẽ gâu gâu và mở mắt ra khỏi giấc ngủ li bì. Giờ trời dậy của muôn tinh vật. Chó đá vươn cổ, hếch mõm, trở mắt ra nhìn phía bên kia bia có một đống gì lơ mờ sáng sáng hẳn hơn màn cỏ trong đêm. Đống ấy cũng đã linh động. Tiếng ngựa thỏ,

phải đâu đó. Chó đá rũ lông. Bỗng một con ngựa bỗng xù bồm, vươn cổ lên ở ngay trước mắt chó ta, nhưng là một làn bóng hợp thành hình thật nhẹ, gần như chỉ có bề mỏng.

Chó toan xua, nhưng cũng sợ ngựa có thể chồm dậy mà đá. Chó bèn hãy tạm đánh tiếng cái đã :

— Ai đấy ? Ngựa đấy à ?

Ngựa vẫn nằm bẹp mà đáp :

— Hí-i-i-iii,.. Phải, ngựa đây, con chó cụt đuôi nào mà láo thế ?

Chó nổi nóng, gân cổ hét :

— Gâu... gâu... gâu... Lma ngay cái mồm ! Mi ở đâu, đêm hôm, dám lura khi ta ngủ say mà đến tranh tằm bìa này ? Há chẳng biết rằng chữ hạ mã nghĩa là người qua phải xuống ngựa, chứ có phải nghĩa là để cho con ngựa già như mị ngã lưng đâu ?

Ngựa quật đuôi phành phạch, mắng :

— À, đồ khuyển nho lại dám giở chữ giở nghĩa ra với ta à ? Sao chẳng mở to mắt ra mà nhìn xem ta là ai, rồi hãy học đòi nói sách.

— Mi là con ngựa thái, sức không còn kéo nổi một cái xe cổ khô, chứ gì ?

— Cầm ngay ! Để ta xưng cho mà nghe đại danh. Về văn học, thì ta soạn sử tài lưu muôn đời bộ Mã sử ấy chính của ta, vì họ Tư mã chép bộ sử ký Trung quốc chính là họ của nhà ta.

— Mi nói thế mà cũng dám mở miệng, không sợ nhục, Họ Tư mã là họ của nước Tàu, mi là vật sống trên miếng đất Việt-nam, trông ió ra loài ngựa xứ này mà lại cả gan nhận vợ như thế, dù có thật đúng chẳng nữa, ta đây cũng chả phục gì, Cứ theo như chỗ ta được biết, thì trong nước Việt

Nam. từ cổ chí kim, chả có họ Mã nào nổi tiếng về văn học cả. Chỉ thấy người thường rửa nhau « ngu như lừa ». Song chắc mi chả nhận bà con với lừa đâu.

— Đồ cần cùn, mi thì biết gì là văn học, mi bắt quá được cái hống hách xằng. Nhưng hống hách mà chạm vía ta thì cũng phải nguôi lạnh hết. Ta, tuổi trẻ, xông pha trong đất chiến, đánh giặc trải có trăm nghìn trận...

— À phải, điều đó cũng đúng, ta cũng có biết rồi. Mi chính là họ Mã « da ngựa bọc thây » đấy chứ gì ? Cái lão già Mã Viện đã chôn cột đồng và nguyên cái câu độc địa rằng « cột đồng mà đồ thì người Giao chỉ mất giống », cái lão già ấy đối với người nước Nam hay vật nước Nam phải coi là một kẻ thù.

— Con chó con sao lắm nhời thế ? Ta nào đại gì mà đi nhận họ với cái lão khốn kiếp đã xe những xe châu báu vơ vét ở xứ này về Tàu mà nói dối là xe ý dĩ !

— Như thế thì mi bấy còn biết điều hơn lẽ thiệt đó. Vậy mi lấy chứng cứ gì tự cho mình là nòi võ tướng ?

— Có chứng cứ hẵn hoi. Hãy yên lặng và kính cần mà nghe ta kể một đoạn lịch sử nước nhà. Đời Trần, nước nam bị quân Nguyên sang đánh rất quật cường, nhưng từ vua đến dân đều ra sức chống giữ, kết cục xua đuổi được giặc ra khỏi bờ cõi sự chiến thắng vô cùng vẻ vang. Sau khi giệp yên giặc Nguyên, vua Nhân Tông cùng Thượng hoàng đem các tướng giặc bắt được về làm lễ trước Chiêu lăng ở phủ Long hưng, vì thấy chân các ngựa đá

trước lãg đều bị rính bụn, ngài mới nghĩ ra mấy câu thơ rằng : « xã tắc hai phen bộn ngựa đá, non sông nghìn thuở vững âm vàng » (xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã, sơn hà thiên cổ điện kim âu). Như thế, không những ngựa thật có chiến công, mà ngựa đá cũng đã từng vì đất nước ra vào những chỗ sa trường để ngầm giúp sức cho quân tướng vậy. Ta là ngựa đá, lấy chứng có bằng ngựa đá chứ không vơ vệt xa xôi những ngựa sắt ngựa sắt ở trong lịch sử vào, hân con chó kia mi chẳng còn bắt bẻ được ta một chỗ nào nhé.

— Được ! Cho là được ! Nhưng mi khoe khoang cái võ công của đồng loại—phải, đó là công của đồng loại mi chứ đâu có phải công của chính mi, những ngựa đá ở Chiêu lăng hân không đến nỗi có một con đã hóa ta mi ở đống gò hoang này ! — mi khoe khoang ra với ta là có ý gì mới được chứ ?

— Ta nói cho mi biết, để mi hiểu rằng chỉ có ta, chỉ có giống ngựa đá đánh bụn chiến địa này mới xứng đáng đứng ở bên cạnh tấm bia hạ mã để cho kẻ qua đường phải xuống ngựa hay ngả nón kính chào.

— Hừ ! Mi nói sao mà khó nghe thế ? Ta không có ăn cướp ăn trộm gì tấm bia của mi, ta không thể trả, mi cũng chó có mở miệng kêu đòi ! Cái chỗ tôn quý này là trời có ý dành cho ta, mà ta cũng xứng đáng ngồi hưởng lâu dài...

— Thế nào là trời có ý dành cho mi ?

— Vì trời có ý dành cho ta, nên những kẻ làm ruộng kia mới do lòng trời xui khiến mà tìm được ta ở dưới đất sâu lên rồi rước ta đến ngự cạnh tấm bia này.

— Còn thế nào là mi cũng xứng đáng ngồi hưởng lâu dài ?

— Ta tưởng cái điều này thì mi thừa hiểu rồi chứ lại ? Nhưng thôi, ta cũng không tiếc lời làm gì cũng giảng giải cho mi hết hỏi. Ta vốn là một giống có nghĩa, lại có công, thường trong loài có con chết đi vẫn được người ta chôn cất hẳn hoi, xây mồ đắp mả thơm tất. Người mù phải nhờ ta dắt, người lạc phải cậy ta tìm : dò đuôi quân thù lẫn trốn, không có ta đánh hơi không xong : canh phòng trộm cướp dòm nom, không có ta thức đêm thức hôm cũng không được... Ấy là công, còn nghĩa thì không bao giờ ta cần người ở trong nhà, lúc hoạn nạn ta cũng vẫn theo, khi chết chóc ta cũng thương khóc. Giống ta trung hậu như vậy, đâu có như loài ngựa, hễ ngựa càng hay càng hại chủ như chơi. Trên kia, nói về giống chó nhà ta, nhưng e mi tính hay tách bạch, lại phân ra những chó đất với chó dai khác nhau, vậy ta nghĩ rằng kết cục chỉ nên nói riêng về một loài chó đá. Suốt từ kể chợ cho chí thôn quê, phạm chỗ nào có miếu có đền là cũng hay có vài bốn ông chó đá ngồi uy nghi bên cạnh để hưởng sự hình hương. Trước khi ta xuất đầu lộ diện lên đóng ở cạnh tấm bia này, thì ta cũng đã trải qua một quãng đời vình diện như thế rồi mới tạm nghỉ dưới lòng đất kín ít lâu. Xưa kia, chính ta là chó đá chảy máu mắt ở trong cái cổ tích mà các bà già thường kể cho cháu nhỏ nghe ; ta đã chảy máu mắt để báo trước cơn lụt lội ghê ghớm cho nhà ông già kia biết mà tránh tảo sát sự chết chóc. Ta linh như thế, tất phải xứng đáng ngồi ở chỗ tôn quý này để rồi còn báo trước cho nhiều người nhiều điều lợi ích nữa.

— Nhưng ta, ta cứ tưởng mi làm gì có máu mắt mà chảy. Chẳng qua bấy giờ do cái gã đồ tể muốn trêu chơi ông già, mới lấy máu lợn mà bôi vào mắt chó đá đấy chứ, thế rồi hú họa lại gặp được cơn nước to hóa ra lụt thật. Mi có linh gì đâu! Vì mi không linh, cho nên trong cơn nước ngập ấy, mi mới bị chôn vùi luôn xuống đất bùn, để cho năm tháng lâu dài giam cầm mi. rồi ngày nay may mắn được người ta đào xới lên, quăng bậy bạ vào cạnh tấm bia này. Người ta vớt mi ở cổng đền chẳng qua chỉ có cái ý dùng mi cũng như dùng các chó đá khác để canh giữ đồ thờ ở trong đền, mà canh giữ một cách làm vì dấy mà thôi. Xét cho kỹ ra, hình như quăng dời về trước của mi cũng mờ ám lắm! Tại sao mi cắt đuôi? Chỉ những chó có tội mới bị người ta chặt đuôi đi mà thôi.

Một luồng khí uất từ cổ họng chó đá bay vút ra ngoài, trắng buốt, biến thành một chó dữ dội lăn xả vào mình ngựa toan cắn. Nhưng chó bỗng chùn chân, lùi vài bước, kêu lên:

— Con ngựa què!

Phải, ngựa đá ấy gãy một chân, nên trước sự khơi đánh của chó, chỉ vẫn nằm bẹp ở trên mặt đất, không sao dậy được.

Cái bóng trắng đã nhập về thân đá, chó ta buồn rầu nói:

— Giận thay, mi lại là ngựa què. Giá mi đứng dậy mà đá được ta một cái, ta cũng sung sướng, vì còn có thể đuổi mi chạy đi khỏi tấm bia này. Đằng này mi lại chỉ còn ba chân, khiến ta không đuổi được mi rời ra đâu nữa. Ai khênh mi đến

chốn này làm chi? Ta biết khênh làm sao được mi ra chỗ khác bây giờ!

Ngựa cười hi hi, rung cả bờm, và nói:

— Chỉ còn một cách là mi để ta ở yên bên cạnh bia này, còn mi đủ bốn chân nên dọn mình rời sang chỗ khác xa hẳn ta đi là tốt.

Chó châu mồm cãi:

— Không! một con ngựa què không đáng cho người ta xuống yên hay ngả nón.

Ngựa hí dài một tiếng, gió đồng lùa theo hun-hút, rung cả vài điểm sao giới le-lói, bảo rằng:

— Ta định không cần kể tiền sử mình ra, cốt giữ vẹn đức khiêm tốn, nhưng không kể rõ thì mi không chịu giao giả cái cái chỗ tôn quý này, âu là ta phải nói. Xưa kia, ta chính là ngựa đá mang huyết đế vương, mi đã giết mình chưa? Bấy giờ nước Nam nhằm vào hồi sắp gây mối loạn thập nhị sứ quân, có một thầy địa lý Tàu sang nước ta xem đất, đến phủ Đại hoàng, trông xuống dòng sông thấy nước sâu thẳm mà xoáy góm ghê, chắc rằng dưới ấy có huyết đế vương, mới gọi trẻ trong vùng thuê tiền bảo lặn xuống dò xem thế nào. Không ai dám đi. Chỉ có một trẻ họ Đinh tên Bộ Lĩnh, bố mất sớm, ở với mẹ, vốn tập tài nghề lặn, mới nhận lời xuống đáy sông, sờ thấy có con ngựa bằng đá, lên báo với thầy địa. Người này đưa cho Bộ Lĩnh nắm cổ đem xuống thử giữ vào mõm ngựa, thì ngựa há miệng đón ngay. Thầy địa biết vậy, thưởng tiền cho Bộ Lĩnh, trở về Tàu định sẽ đem cốt cha sang táng. Nhưng Bộ Lĩnh thông minh đoán ngay ngựa đá là đại huyết, mới bàn với mẹ đem cốt cha cậu bọc vào trong nắm cổ, lặn xuống vực sâu, giữ vào

mổm ngựa, ngựa cũng dón mà nuốt đi. Sau đấy, Bộ Lĩnh sinh ra mạnh giỏi hơn người, họp mục đồng làm quân, bẻ bông lau làm cờ, chặt tre làm khí giới, thời thường bày trận giả đánh nhau, được chúng tôn làm tướng, nhón lên, giẹp mười hai sứ quân, tự xưng làm vạn thắng vương, lên ngôi vua, đóng đô ở Hoa lư, dựng thành cơ nghiệp nhà Đinh, mở đầu cho nền độc lập nước Nam. Ngựa đá lòng sông trải qua đời này sang đời khác, bề dẫu biến đổi, bị vùi vào lòng đất cát, chuyển đi ném lại, gãy mất một chân, song cái tinh đá thiêng thì vẫn còn, và chính là ta đây. Chỗ này là chỗ nằm sau hết của ta, ngay dưới chân bia thẳng xuống, những đêm u ám, ta thường bốc sáng thành hình lên chơi ở trước đèn này. Vậy tấm bia kia trời vốn đã dành cho ta từ lâu, mi chớ nên tranh mà mắc lỗi. Chỉ ta mới xứng đáng cho khách qua đường ngả nón xuống yên.

Chó đá còn toàn tìm lời bắt bẻ thêm nữa, để cố giữ yên tấm bia về mình thì trong thôn bỗng vắng ra mấy tiếng gà eo-óc gáy.

Một luồng gió lạnh, gò cỏ mù mờ. Tan gió rồi, bóng ngựa nằm dài không còn thấy nữa, mà con chó đá cũng chỉ trơ khắc bốn chân cứng ngắc, hoàn toàn là một khối đá chẳng linh động gì. Khí âm đã tàn, linh thiêng lặn hết.

Sáng hôm sau trời nổi cơn mưa đông bắc. Gần về trưa, đương khi mưa lớn, một tiếng sét thật mạnh đánh trúng vào tấm bia hạ mã, bia vỡ toang làm mấy mảnh, còn chó đá thì rơi hẳn xuống chân gò lọt thỏm vào trong một bụi dứa dại.

Từ đêm ấy mà đi, không còn có chuyện cãi cọ tranh dành của đôi con vật bằng đá nữa. Nhưng

trong những lúc sương gió thê lương, trời thâm khuya vẫn vẳng rên lên những tiếng huyền bí của gò thưng bốc sáng,...

III

Con rùa đội vệt

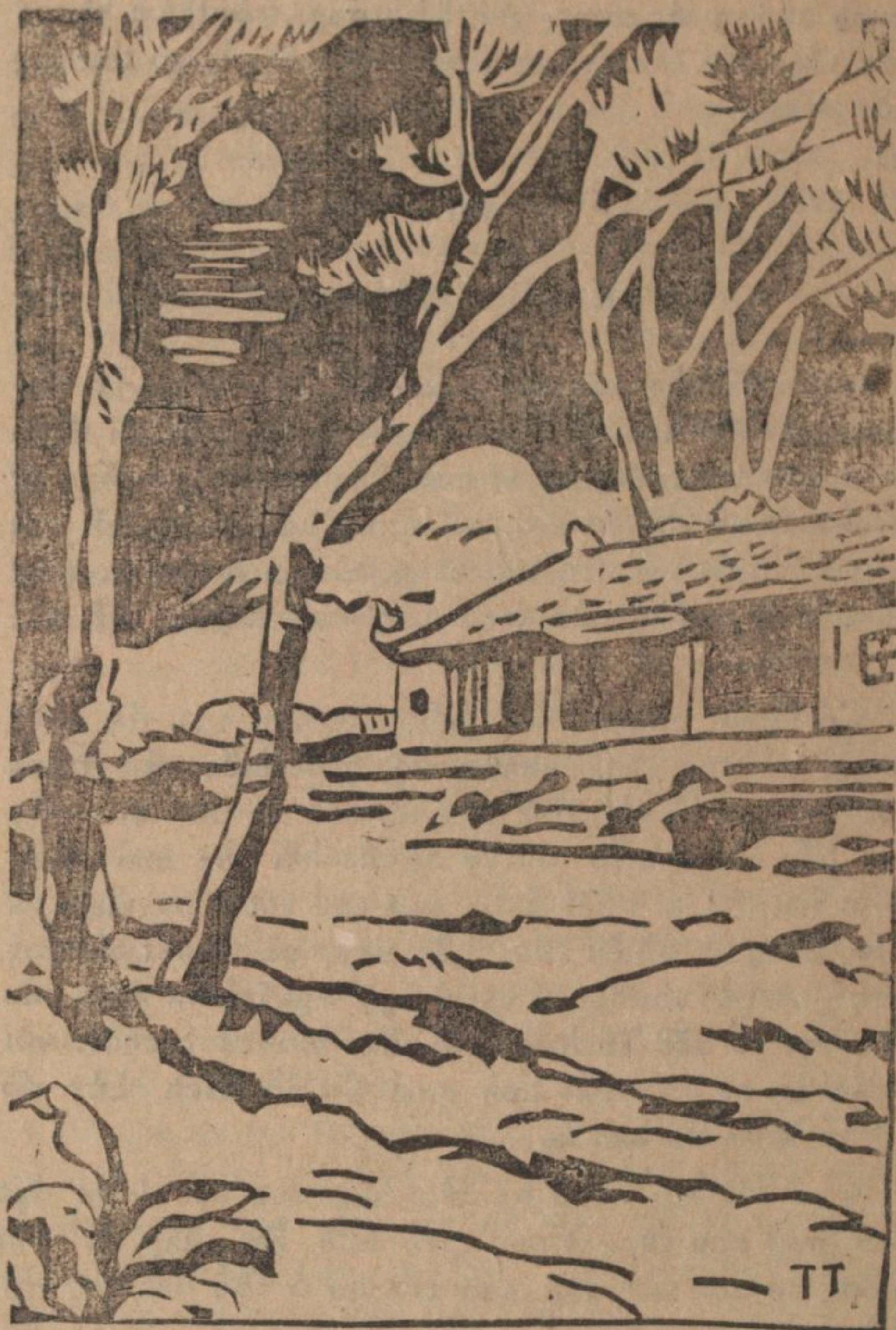
Một bãi tha ma nhiều mả vô thừa nhận đã đến lúc phải bốc hết đi. Công việc do một hội thiện thuê phu làm. Người ta nói rằng những gò đồng ấy hoang vu từ đã lâu đời, có nhiên bộ xương cốt sót lại với nhiều vết tích trải hàng trăm nghìn năm, như tiền cổ và những viên gạch ngày nay không thể làm ra được.

Có người phu kia hơi thấy một con rùa đá nhỏ, tưởng là vàng, mới nhanh tay giấu biến vào trong áo. Nhưng về nhà thử xem thì chỉ là đá lâu ngày ám bắt nhiều mẫu vết kỳ dị của bãi tha ma. Mấy hôm sau, gã lại nhặt được một con vệt cũng xinh và cũng bằng đá nhiều vân. Lần này, gã đã hết hi vọng được vàng, nhưng có cái ý ngộ nghĩnh là đem con con vệt về đặt lên lưng con rùa, làm cảnh chơi, rồi hoặc ai có con mắt tinh xem đồ cổ thích chứa đồ cổ hỏi mua thì bán lại.

Vào khoảng canh ba đêm hôm con vệt được đặt lên lưng con rùa, trong gian nhà ẩm thấp tối om bỗng có hơi sáng lấp lánh mờ mờ ở chỗ hai con vật bằng đá cũ.

Và cổ rùa hơi nhô ra một tí.

Tiếng ngáy của người phu mệt mỏi vẫn đều đều.



Trên đồng gò hoang có một ngôi đền

Đầu rùa bỗng cất cao, mắt rùa ngời ngời lên một ánh chớp-chói như tia nước, Rồi tiếng rùa, êm như đường tơ động gió, khẽ cất lên :

— Cái gì ở trên lưng ta mà đánh nhịp hoài mãi thế ?

Con vệt cúi xuống, hai cánh linh động, cười choét choét, trả lời :

— Ta là vệt mỡ đỏ đây, xinh xinh lắm.

Dù nghiêng mãi đầu, ghé mãi mắt cũng chả thể nhìn thấy cái vật tự xưng là vệt mỡ đỏ ở trên mai khum khum, nên không biết hình thù nó ra làm sao mới bảo :

— Mi thử trèo xuống khỏi lưng ta và ra trước mắt ta, cho ta xem cái vẻ xinh xinh của mi nó thế nào.

Vệt ranh mãnh đáp :

— Ta ở trên lưng mi là do keo loan gắn chặt rồi không thể xuống được. Thôi thì mi cứ chịu khó đội ta, nhẹ nhàng mà, rồi ta hát hát véo von cho mà nghe, thú lắm.

Vừa dứt lời vệt đã cất tiếng hát, chân đánh nhịp trên mai rùa.

Rùa cho thế làm bực mình lắm, mới than rằng:

— Ta đường đường nòi giống thần quy của họ Việt thường phương nam này đã mang sang triều kiến đời Đào Đường cho vua Nghiêu xem những chữ tượng hình trên mai mà bắt đầu làm ra lịch ghi năm tháng ngày giờ. bấy lâu hằng giữ vẹn thanh danh, có ngờ đâu giờ dỗi dặt thay khiến ta bỗng phải mang một giống quái vật nào ở trên lưng, nhục sao là nhục !

Dứt lời than, rùa đá hé miệng phun lên một luồng khí mù ẩm lạnh, rồi chồm vờn cất hai chân trước, cồ đứng dựng thẳng, khiến cho vệt ta lầy bầy mắt thẳng băng và sau cùng rơi từ mình rùa ở mặt bàn xuống đất.

Vệt đã rơi, thì rùa nhẹ thân. Cái tính im lặng ngàn đời lại nhắc rùa nên rút cổ lại nằm yên một chỗ không động, chẳng cần tìm xem loài vệt hình dáng ra sao và nó bị hất xuống sâu như thế thì chết hay là sống.

Sáng hôm sau người phu tỉnh dậy, thấy vệt ta nằm chổng khểnh dưới đất, mới nhật lên và lại đặt đứng ở trên mai rùa, miệng thì lầm bầm :

— Lại chú chuột oắt nào đêm hôm mò mẫm cho rơi vệt đá của ta, láo thật !

Một ngày qua. Đêm tới, hơi âm mờ mịt. Tinh rùa lại chợt thức, lại thấy cái vật nặng nặng đánh nhịp ở trên lưng, giận quá, hét rằng :

Quái vật ! Ta ngỡ mi đã chết từ đêm qua, hay đâu mi hãy còn sống mà quấy rầy ta, không thể nào tha thứ được !

Vệt vội kêu lên :

— Hãy gượng cho ta nói rõ. Ta đây chính là chim bạch trĩ của họ Việt thường ở phía nam xứ Giao-chỉ, về đời Hùng vương, đã đem sang triều hiến vua Thành vương nhà Chu bên Tàu, và nhân có việc hiến chim ấy, ông Chu công Đản mới chế ra cái xe chỉ nam để đưa sứ giả Việt thường về nước. Như vậy, mi với ta trước sau đều ở một gốc mà ra cùng chung một sứ mệnh; mi mở đầu cho lịch ghi ngày tháng, thì ta mở đầu cho kim chỉ nam. Mi đời ta ngày nay hỏi có chi là nhục ?

Rùa đá lắc đầu nói :

— Con vật lém mép kia, mi dối ai chứ dối ta sao được ! Vừa hôm trước, mi không xưng là bạch trĩ, thì tất không phải là bạch trĩ, mau mau cút đi cho rồi Vẹt cái :

— Hôm trước, ta đã làm gì có ở đây ? Vì ta mới nghe biết tiếng mi là thần quy làm lịch, nên hôm nay ta mới tìm đến để họp cái duyên muôn đời, ta chính là bạch trĩ.

Rùa khôn ngoan nói :

— Ta chưa nhìn được rõ mi, ừ thì cứ tin rằng mi là bạch trĩ. Song ta không phải là thần quy của vua Nghiêu đâu, ta chỉ là kim quy ngày xưa đã giúp vua An Dương vương xây Loa thành và cho vương một cái móng chân để làm lẫy nỏ bắn chết hàng vạn người một phát bên quân Triệu Đà. Như vậy, tiểu sử của mi với ta không có liên lạc, ta không thể để mi ở trên lưng.

Một luồng khí độc phun lên, rùa đá lại hất mình cho vẹt ta rơi tòm xuống đất.

Sáng hôm sau, người phu lại rửa con chuột mò mẫm, và lại nhấc vẹt đặt lên lưng rùa.

Đêm ấy, không đợi rùa lên tiếng, vẹt ta ranh mãnh đã nói trước :

— Này hỡi kim quy, ta vâng mệnh đi tìm mãi, mới gặp ở đây. Nguyên vua An Dương vương thua trận, tự tử rồi, thì vong hồn ngự trong ngôi đền trên núi Mộ dạ, huyện Đông thành, tỉnh Nghệ an, để hưởng sự thờ cúng ; ở đây có nhiều chim công thường về chầu, nên cũng gọi là đền Công. Ta chính là một con Công thân tín của vương, nên vương



Chó đá rơi bắn xuống chân gò

mới sai ta đi tìm kim quy để bảo vệ đời đời, vì biết rằng kim quy ngày nay đã hóa đá dễ bị loài người dọa dẫm bắt đội những tấm bia nặng hàng trăm tạ. Hỡi kim quy, đã có ta đứng ở trên lưng thì chẳng còn ai dám bắt đội bia đá nặng nữa.

Rùa đá ngờ rằng là công giả mạo, mới cãi phăng đi :

— Nhưng ta không phải là kim quy đã giúp An Dương vương ngày xưa, ta chỉ là con rùa tầm thường ở trong chuyện cổ, bị người thuyền chài bắt được toan làm thịt, may nhờ có gã học trò đi qua bờ sông bỏ quan tiền mua đem về nuôi. Vậy ta chỉ có duyên với học trò, không có duyên với chim muông gì cả. Xéo !

Vẹt lại bị ngã xuống đất. Nhưng đêm sau, nhờ có người phu đã lại nhặt lên, vẹt ta lại đứng ở trên lưng rùa, đánh nhịp chân mà hát :

Nước lênh dênh thấy rùa trôi nổi,

Mua đem về nuôi bấy lâu nay,

Năm năm tháng tháng ngày ngày

Cơm ăn còn nhớ nghĩa này ở đâu ?

Hát rồi, vẹt ta mới nói :

— Rùa ơi ! Nhớ chăng câu hát khi người học trò đỗ Trạng Vinh quy về qua sông ? Người học trò ngày xưa đã nuôi rùa, để cho rùa cảm cái ơn mà biến thành gái đẹp hằng ngày thối nấu cơm nước để phần, chỉ vì sau kẻ dương gian người thủy phủ mà phải cùng nhau chia rẽ, ông Trạng tuy sung sướng vẫn tiếc không được có một cô vợ rùa mỗi khi qua sông, đều hát mấy câu trên kia. Sau

ông Trạng chết rồi, hóa thành con vẹt vừa bay vừa hát, vì vẫn có ý tìm rùa,

Rùa đá thở phì mà rằng ;

— Ông Trạng không hề hóa ra vẹt. Chỉ có mi bây giờ mới lòi đuôi ra là vẹt mỏ đỏ mà thôi.

— Vẹt không là Trạng, sao vẹt thông tỏ ngọn ngành, điều gì nói ra cũng đúng ?

— Dù vẹt có là Trạng, ta cũng mặc kệ, vì ta chính thật không phải rùa ở ngoài sông, mà là rùa ở trong hồ. Nguyên xưa vua Lê thái Tổ khởi nghĩa đánh đuổi quân nhà Minh ra khỏi nước Nam, có bắt được một thanh gươm cổ rất quý, sau khi bình định xong rồi, vẫn đeo ở bên mình, một hôm ngự thuyền ra chơi cái hồ mà nay gọi là hồ Hoàn kiếm thấy một con rùa lớn nổi lên, mới cầm gươm chém chẳng may gươm cũng theo rùa lặn cả xuống đáy nước mất, sai lấp cửa hồ tát hết nước để tìm cũng không thấy nữa, Ta chính là con rùa ấy, còn mi chỉ là con vẹt đích danh. cười lên lưng ta, há chẳng sợ tội ru.

Vẹt không kịp để cho rùa lại hát nữa, cướp lời mà nói :

— Thế thì chính mi là kẻ có tội, và ta sẽ là kẻ thứ tội cho mi. Hãy im mà nghe ta nói. Hồi Lê thái Tổ bị quân Minh vây khốn ở Lam sơn, lương thực cạn, bỗng có một đàn vẹt tha tới một thứ quả sắc đỏ tím, thử cho lính ăn không độc, mới dùng lương tạm qua ngày, để chờ quân cứu viện đến. Về sau người ta lấy giống và bắt chước ăn thứ quả đó rất nhiều, đặt tên là quả phù quân, nghĩa là giúp vua, lại gọi trạch ra là quả bồ quân. Còn loài vẹt sau cũng được tạc tượng để thờ ở trong đền

vua Lê, miệng ngậm thứ quả ấy. Ta có công giúp vua Lê, mi có tội mất gương của vua Lê. Nếu mi bắt ta ngã xuống, ta tất phải xách cổ mi bay về trình vua Lê trị tội.

Rùa ung dung đáp lại :

— Vua Lê định chém ta, nên mới mất gương, chứ ta có tội gì ! Vả hồi cuối đời Cảnh hưng, vận nhà Lê đã tàn, một đêm ở cái đảo giữa hồ Hoàn kiếm có một luồng khí sáng bốc lên bay vụt đi mất, người ta bảo rằng đó là hào quang của thanh kiếm đã bay về trời. Cửa bắt được lại mất đi ta nào có liên can gì vào việc ấy ? Mà nói cho cùng ra, thì ta cũng chẳng phải chính là rùa ở hồ Gươm, ta chỉ là một hòn đá có hình dáng. Cùng là loài đá có hình dáng, sao mi cứ chực cười lên ta ? Xuống ngay !

Vết lại ngã. Về sáng hôm sau, người phu bức mình vì cứ phải nhặt luôn tay, mới không đặt vết đứng lên mình rùa nữa.

Từ đêm ấy mà đi, ánh trăng xanh nhạt soi vào không thấy tinh đá trắng mờ đâu nữa.

THẨM TAM

Truyền - Bá Số 170

ÁO VẢ

TRUYỆN CỦA NAM - CAO

NHÂN ĐỨC

Hắn là một vị quan có tiếng thanh liêm và rất thương người. Nhà rất nghèo. Ông làm vào tỉnh cảnh túng bấn. Nhưng ông vẫn không đổi tính nết, vẫn độ lượng và trung chính. Nhà láng giềng không có cơm ăn, qua ông xin một đấu gạo để ăn. Nhà chỉ còn một đấu gạo để ăn bữa mai, ông lấy đem cho kẻ ấy.

Bà vợ thấy thế cầu nhàu nói với ông rằng: « Nhà chỉ còn một đấu gạo. Ông lấy đem họ mai lấy gì ăn? » Thản nhiên, ông đáp: « Đợi với họ là bữa nay! »

Đáng phục thay lời nói ấy!
TÔN THẤT-QUÁN

Ô CHỮ QUẢ TRĂM

```

      X
    X X X
  X X X X X
    X X X
      X
  
```

- 1) Chữ thứ bảy trong vần quốc ngữ.
- 2) Tiếng đi đôi với tiếng nói.
- 3) Một thứ đồ dùng để ta soi.
- 4) Người để trên mình.
- 5) Chữ thứ bảy trong vần quốc ngữ.

(Xem trả lời trang 32)

Danh-nhân nước Pháp

PHILIPPE LEBON

Philippe Lebon sinh đẻ tại một làng ở thượng nguồn sông Marne. Đậu bằng kỹ-sư cầu cống xong, ông trở về quê cùng sống với nhà và nhờ đấy ông đã sáng kiến ra một sự lạ lùng. Ông đang còn thí nghiệm về hóa học và đốt một cái chai có đựng mụn چرا. Nhưng ông bỗng ngạc nhiên khi thấy hơi khói ở trong chai bay ra gặp lửa bùng lên cháy sáng rực. Nhờ đó ông có ý-tưởng định dùng hơi khói ở trong than để hoặc gỗ lúc người ta đốt để thắp đèn trong các nhà. Nhìn sự phát minh mới mẻ của mình ông sung-sướng bảo dân trong làng:

— Tôi lên Ba-lê đây, nhưng nếu các ông muốn thắp đèn bằng hơi khói (gaz d'éclairage) tôi sẽ gửi về cho các ông bằng những ống kẽm chôn dưới đất.

Họ cho ông là một người điên chứ có ai biết đó là một

Danh nhân nước nhà

Phùng Hưng

Phùng - Hưng là người ở quận Đường-lâm, bây giờ là làng Cam-lâm, huyện Phú-thọ, tỉnh Sơn-tây.

Năm Tân-vị (791) Đô - hộ Cao-chính Bình bắt dân nộp sưu thuế nặng quá, nhân dân trong nước sinh lòng oán

sự sáng kiến có ích cho nhân loại trước khi có điện khí.

Philippe Lebon đem ý tưởng mình ra nói với các thương gia nhưng ông không thực hành được. Nhưng nước Anh khôn khéo đã bắt chước cách thức của ông mà đem dùng trước.

Giữa khi ông đem hết tài lực để thử xem cách dùng của hơi khói thì ông bị chết một cách thảm thương. Ông bị ám sát năm 1804 tại Champs Elysées và người ta chịu không tìm ra thủ phạm và không hiểu vì có gì.

Nhà nước nhớ ơn ban cho bà vợ một số tiền để nuôi sống.

NGUYỄN TRUNG-HÒA

giận phẫn-nất. Phùng-Hưng bèn giấy binh nổi lên, đem quân về phá phủ Đô-hộ. Cao chính-Bình, nghe thanh-thế, lo sợ thành bệnh mà chết. Phùng-Hưng mới chiếm giữ lấy phủ thành, tự coi việc Đô hộ. trị vì được mấy tháng thì mất. Quân sĩ lập con ông là Phùng-An lên nối nghiệp.

Dân ái mộ thương tiếc ông Phùng-Hưng liền lập đền thờ và tôn là « Bô cái đại-vương » nghĩa là tôn ông như cha mẹ.

Tháng 7 năm Tân-vị ấy, vua nhà Đường sai Triệu-Xương sang làm đô - hộ, Phùng-An liệu thế chống lại quân Tàu không nổi, bèn xin hàng.

Chỉ nghe thanh thế ông Phùng-Hưng thôi mà một quan Đô-hộ dũng mạnh, đến khiếp sợ, mà chết thì biết ông Phùng Hưng anh hùng biết chừng nào!

LÊ MỘNG NGUYỄN

TRẢ LỜI Ô CHỮ

G
H U A
G U O N G
A N H
G

NGUYỄN-ĐỨC-HÀM

MẮT MẸ

Hằng mơ-màng nhìn lên ảnh mẹ treo trên tường trong lúc chuông chùa vọng lại như vang cả một thời dĩ-vãng.

Mấy giọt lệ nóng rỏ trên má Hằng. Trong đời, có lẽ cái thời ta sung sướng nhất là thời ta còn thơ dại tuổi còn xanh. Nhưng với Hằng, những ngày thơ-ấu, vui tươi, đẹp đẽ dường đã mất cả rồi! Dầu rằng cô bé mới còn ít tuổi, vì đã mất tình mẫu-tử, cái tình mà — với hết thấy các em nhỏ khác — nếu thiếu nó, đời sẽ thành ra vô-vị. Một thi-sĩ Nga đã ví tình mẫu-tử như một con sông mà người con thì là nước chảy giữa, phó thác ở đôi bờ thân-mến là người mẹ.

Cái tình thiêng-liêng, thành thật hơn hết ấy, Hằng đã mất. Đang lúc được sung sướng, được mẹ hiền chiều-chuông, yêu quý thì bỗng một đau thương đau đến làm tan tác cả những ngày hoa vàng-rỡ đầy sán-lạn vui tươi của Hằng; thần chết tại ác đã làm chia lìa mẹ Hằng và Hằng.

Hằng còn nhớ hôm ấy, bà phán Khê, lúc sắp từ-trần, gọi Hằng và các em Hằng đến, nói những lời cảm-dộng ;

— Mẹ biết mẹ sẽ phải từ biệt các con mãi mãi chẳng bao giờ gặp nữa đâu, các con ạ. Vậy trước khi từ-biệt các con, mẹ muốn dốt lại với các con mấy điều... Các con phải nghe, phải nhớ kỹ trong đời các con ấy. Mẹ phải xa các con thế này, thật đau lòng lắm, song số trời đã định, biết làm sao được. Hằng, con gái nhón yêu quý của mẹ, con đã nhón, mẹ tin cậy ở con. Con phải nghe lời mẹ mà dạy bảo các em con thấy mẹ và phải yêu-mến, phụng-dưỡng cậu con....

Nói đến đây, bà phán ngừng lại. Biết bà không thể nói hơn được nữa, ông phán cầm tay bà và run run hỏi giọng gần như sắp khóc :

— Mợ, mợ còn muốn gì nữa không ?

Bà phán yên lặng nhìn chồng và các con lần cuối cùng rồi tắt thở. Cả nhà òa lên khóc.

Rồi hôm sau, Hằng hoang-mang thấy đi giữa đám đông người vận tang phue buồn rầu theo xe tang... Ra đến đồng, người ta khiêng áo quan bà phán xuống hạ-huyệt giữa lúc tiếng kèn trống sầu-thảm xen lẫn với những tiếng khóc rên rỉ nào lòng :

Hằng chỉ nhớ có thế. Trí thơ-ngây, non-nớt của Hằng đã bị những sầu thương xâm chiếm. Tuổi trẻ là tuổi sung sướng mà lại chính là tuổi đau khổ, vì ta đã chắc đâu những em nhỏ lúc trong tuổi ấy đều sung sướng cả.

Một năm đằng đẳng đầy thương nhớ nặng nề trôi. Năm này giỗ đầu bà phán.

Hằng như thẫn :

— Chóng quá, một ngày nào...

Một hơi gió lạnh lọt khe cửa làm Hằng thấy lạnh. Nhìn quanh, Hằng thấy thiếu thốn trong lòng một cái gì. Bóng người mẹ hiền-từ trở lại trong trí nhớ cô bé mồ côi.

Người cha bước vào, lặng lẽ nhìn con gái. Người dượng toan hỏi thì Hằng đã quay mặt đi để giấu mỗi giọt lệ ướt trên mắt.

Ông Phán hỏi con :

— Sao con khóc ?

Câu hỏi ấy càng làm tăng nỗi thương tiếc của Hằng. Cô bé cảm động khóc to hơn.

Đứa con yêu ngủ vào lòng cha thồn-thức.

LAN-TRÂN NGUYỄN TÙNG-NAM

Imprimerie Tân Dân Húc Ka Hạong - Mar 1945

Dépôt Légal - 1^{er} trimestre 1945

N^o 14 (Imprimerie) N^o 14 (Edition)

ĐÃM CỐ BẢN

4.000

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

QUYỀN IV TẬP THƯỢNG

Vì nhà in Tân-Dân thiên về Mục-Xá xa tác-giả, mà bộ sách này lại dùng nhiều kiểu chữ làm rất công-phu, tác-giả sửa đi sửa lại bài-in hai ba lần mới cho in, cho nên :

QUYỀN IV (tập thượng) bắt đầu làm từ cuối năm 1943 ở Hà-nội, tới cuối năm 1944 mới xuất-bản ở Mục-Xá.

Các bạn xa gần muốn có bộ sách giá-trị cũng nên có kiên nhẫn đợi chờ mà lượng tình cho nhà xuất-bản.